

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn rim, Đậu phụ sốt cà chua, hành lá Canh cải chíp nấu ngao Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi	Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	192	22,000	4,224,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	65	22,000	1,430,000	
	TỔNG	257		5,654,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	17.30	17,000	294,100	4.20	17,000	71,400	21.5	365,500
2	Dầu ăn	0.95	77,000	73,150	0.35	77,000	26,950	1.30	100,100
3	Nước mắm	0.30	76,000	22,800	0.10	76,000	7,600	0.40	30,400
4	Hạt nêm	0.30	70,000	21,000	0.10	70,000	7,000	0.40	28,000
5	Hành	0.18	35,000	6,300	0.07	35,000	2,450	0.25	8,750
6	Mỡ lợn	0.90	85,000	76,500	0.30	85,000	25,500	1.20	102,000
7	Thịt lợn	7.05	150,000	1,057,500	2.55	150,000	382,500	9.6	1,440,000
8	Đậu Phụ	3.40	45,000	153,000	1.20	45,000	54,000	4.6	207,000
9	Cà chua	1.50	25,000	37,500	0.50	25,000	12,500	2.00	50,000
10	Hành lá	0.07	40,000	2,800	0.03	40,000	1,200	0.10	4,000
11	Rau cải chíp	4.80	17,000	81,600	1.60	17,000	27,200	6.40	108,800
12	Ngao	4.70	25,000	117,500	1.60	25,000	40,000	6.3	157,500
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	192.00	4,300	825,600	65.00	4,300	279,500	257.0	1,105,100
14	Cà rốt	0.20	20,000	4,000	0.10	20,000	2,000	0.30	6,000
15	Thịt bê bỏ bì	1.10	285,000	313,500	0.35	285,000	99,750	1.45	413,250
16	Khoai tây	1.00	23,000	23,000	0.40	23,000	9,200	1.40	32,200
17	Rau mùi	0.10	50,000	5,000	0.05	50,000	2,500	0.15	7,500
18	Gạo bắc thơm	3.20	17,000	54,400	1.00	17,000	17,000	4.20	71,400
19	Sữa bột Nuvi Grow	4.05	260,000	1,053,000	1.40	260,000	364,000	5.5	1,417,000
	Tổng cộng			4,222,250			1,432,250		5,654,500

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,654,000
- Số tiền đã chi: 5,654,500
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -500

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn rim, Đậu phụ sốt cà chua, hành lá Canh cải chíp nấu ngao Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi	Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	85	22,000	1,870,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	TỔNG	115		2,530,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	7.65	17,000	130,050	1.95	17,000	33,150	9.60	163,200
2	Dầu ăn	0.45	77,000	34,650	0.15	77,000	11,550	0.60	46,200
3	Nước mắm	0.10	76,000	7,600	0.05	76,000	3,800	0.15	11,400
4	Hạt nêm	0.15	70,000	10,500	0.05	70,000	3,500	0.20	14,000
5	Hành	0.08	35,000	2,800	0.02	35,000	700	0.10	3,500
6	Mỡ lợn	0.45	85,000	38,250	0.15	85,000	12,750	0.60	51,000
7	Thịt lợn	3.10	150,000	465,000	1.10	150,000	165,000	4.20	630,000
8	Đậu Phụ	1.55	45,000	69,750	0.55	45,000	24,750	2.10	94,500
9	Cà chua	0.65	25,000	16,250	0.25	25,000	6,250	0.90	22,500
10	Hành lá	0.03	40,000	1,200	0.02	40,000	800	0.05	2,000
11	Rau cải chíp	2.15	17,000	36,550	0.75	17,000	12,750	2.90	49,300
12	Ngao	2.15	25,000	53,750	0.75	25,000	18,750	2.90	72,500
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	85.00	4,300	365,500	30.00	4,300	129,000	115.0	494,500
14	Cà rốt	0.08	20,000	1,600	0.02	20,000	400	0.10	2,000
15	Thịt bê bỏ bì	0.50	285,000	142,500	0.20	285,000	57,000	0.70	199,500
16	Khoai tây	0.45	23,000	10,350	0.15	23,000	3,450	0.60	13,800
17	Rau mùi	0.08	50,000	4,000	0.02	50,000	1,000	0.10	5,000
18	Gạo bắc thơm	1.40	17,000	23,800	0.50	17,000	8,500	1.90	32,300
19	Sữa bột Nuvi Grow	1.77	260,000	460,200	0.63	260,000	163,800	2.40	624,000
	Tổng cộng			1,874,300			656,900		2,531,200

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,530,000
- Số tiền đã chi: 2,531,200
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,200

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn rim, Đậu phụ sốt cà chua, hành lá Canh cải chíp nấu ngao Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi	Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	40	22,000	880,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ		22,000	0	
	TỔNG	40		880,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	3.60	17,000	61,200				3.60	61,200
2	Dầu ăn	0.20	77,000	15,400				0.20	15,400
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800				0.05	3,800
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500				0.05	3,500
5	Hành	0.05	35,000	1,750				0.05	1,750
6	Mỡ lợn	0.20	85,000	17,000				0.20	17,000
7	Thịt lợn	1.45	150,000	217,500				1.45	217,500
8	Đậu Phụ	0.70	45,000	31,500				0.70	31,500
9	Cà chua	0.30	25,000	7,500				0.30	7,500
10	Hành lá	0.02	40,000	800				0.02	800
11	Rau cải chíp	1.00	17,000	17,000				1.00	17,000
12	Ngao	0.90	25,000	22,500				0.90	22,500
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	40.00	4,300	172,000				40.00	172,000
14	Cà rốt	0.05	20,000	1,000				0.05	1,000
15	Thịt bê bỏ bì	0.25	285,000	71,250				0.25	71,250
16	Khoai tây	0.20	23,000	4,600				0.20	4,600
17	Rau mùi	0.03	50,000	1,500				0.03	1,500
18	Gạo bắc thơm	0.65	17,000	11,050				0.65	11,050
19	Sữa bột Nuvi Grow	0.85	260,000	221,000				0.85	221,000
	Tổng cộng			881,850			0		881,850

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 880,000
- Số tiền đã chi: 881,850
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,850

TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn rim, Đậu phụ sốt cà chua, hành lá Canh cải chíp nấu ngao Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi	Cháo thịt bò, khoai tây, cà rốt, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	153	22,000	3,366,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	22,000	770,000	
	TỔNG	188		4,136,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	13.80	17,000	234,600	2.30	17,000	39,100	16.1	273,700
2	Dầu ăn	0.80	77,000	61,600	0.20	77,000	15,400	1.00	77000
3	Nước mắm	0.20	76,000	15,200	0.05	76,000	3,800	0.25	19000
4	Hạt nêm	0.25	70,000	17,500	0.05	70,000	3,500	0.30	21000
5	Hành	0.15	35,000	5,250	0.05	35,000	1,750	0.20	7000
6	Mỡ lợn	0.75	85,000	63,750	0.20	85,000	17,000	0.95	80750
7	Thịt lợn	5.55	150,000	832,500	1.30	150,000	195,000	6.85	1,027,500
8	Đậu Phụ	2.80	45,000	126,000	0.65	45,000	29,250	3.45	155,250
9	Cà chua	1.20	25,000	30,000	0.30	25,000	7,500	1.50	37,500
10	Hành lá	0.05	40,000	2,000	0.01	40,000	400	0.06	2,400
11	Rau cải chíp	3.80	17,000	64,600	1.00	17,000	17,000	4.80	81,600
12	Ngao	3.80	25,000	95,000	0.90	25,000	22,500	4.70	117,500
13	Sữa Nuvi lắc trái cây	153.00	4,300	657,900	35.00	4,300	150,500	188.00	808,400
14	Cà rốt	0.15	20,000	3,000	0.05	20,000	1,000	0.20	4,000
15	Thịt bê bỏ bì	0.90	285,000	256,500	0.20	285,000	57,000	1.10	313,500
16	Khoai tây	0.80	23,000	18,400	0.20	23,000	4,600	1.00	23,000
17	Rau mùi	0.12	50,000	6,000	0.03	50,000	1,500	0.15	7,500
18	Gạo bắc thơm	2.45	17,000	41,650	0.55	17,000	9,350	3.00	51,000
19	Sữa bột Nuvi Grow	3.20	260,000	832,000	0.75	260,000	195,000	3.95	1,027,000
	Tổng cộng			3,363,450			771,150		4,134,600

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,136,000
- Số tiền đã chi: 4,134,600
- Số tiền còn thừa: 1,400
- Số tiền còn thiếu: